

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-6-2024

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Trần Hà D, sinh năm 1992; địa chỉ: **tổ E, thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.** Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Huỳnh Đăng L, sinh năm 1992; địa chỉ: **tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.** Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Nguyễn Trần Hà D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Huỳnh Đăng L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 vào ngày 23/02/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng xây dựng

kinh tế và nuôi dạy con chung. Đến năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cộng với áp lực về kinh tế nên không khí gia đình căng thẳng và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù chị **D** cố gắng tìm mọi cách để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng vẫn không thể chia sẻ, thấu hiểu cho nhau, khiến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh **L**.

Về con chung: có 01 con chung tên là **Huỳnh Minh K**, sinh ngày 19/8/2018. Chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai ngày 05/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh **Huỳnh Đăng L** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị **D** về thời gian, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận do áp lực về kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và cãi vã nhau. Mặc dù anh mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con nhưng chị **D** cương quyết ly hôn nên anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: thống nhất có 01 con chung tên là **Huỳnh Minh K**, sinh ngày 19/8/2018. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu Tòa án giao con cho chị **D** nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Huỳnh Đăng L có nơi cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị Nguyễn Trần Hà D khởi kiện xin ly hôn với anh L nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 vào ngày 23/02/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cộng với áp lực về kinh tế nên không khí gia đình căng thẳng và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh Lữ thống n ly hôn nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị D, anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị D và anh L có 01 con chung tên Huỳnh Minh K, sinh ngày 19/8/2018. Các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Xét thấy, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Quá trình giải quyết vụ án, chị D cung cấp bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi, có chỗ ở ổn định và đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Trong khi đó, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng anh vắng mặt tại phiên hòa giải, các phiên tòa thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 3.500.000 đồng. Xét thấy trách nhiệm nuôi con là nghĩa vụ chung của cha mẹ đối với con cái, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”, anh L đã đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D và phù hợp với quy định của

pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa anh **L** và chị **D**, buộc anh **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị **D** nuôi cháu **K** mỗi tháng 3.500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 đến khi cháu **K** thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.4] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị **D** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh **L** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Trần Hà D** về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Trần Hà D** và anh **Huỳnh Đăng Lữ**.

2. Về con chung: giao cháu **Huỳnh Minh K**, sinh ngày 19/8/2018 cho chị **Nguyễn Trần Hà D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh **Huỳnh Đăng L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng 3.500.000 (*ba triệu năm trăm nghìn*) đồng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu **K** thành niên. Anh **L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chi Nguyễn Trần Hà D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010312 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Huỳnh Đăng L phải chịu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Mê Pu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;
(GCNKH số 13 ngày 23/02/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen